

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘC CHÂU
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 109 /2019/HSST
Ngày: 13 – 6 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC CHÂU, TỈNH SƠN LA

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Triệu Văn Quang.

- ***Các Hội thẩm nhân dân:*** Ông Đỗ Đình Bản và bà Lê Thị Chanh.

- ***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:*** Ông Đào Công Dương - Thư ký
Tòa án.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La tham
gia phiên tòa:*** Ông Sa Văn Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 13/6/2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La
xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 96/2019/HSST ngày 22 tháng 5 năm 2019
theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2019/HSST – QĐ ngày 07 tháng 6
năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Cừ A C; tên gọi khác: Không Sinh ngày 01/01/1990 tại huyện
M, tỉnh Sơn La. Nơi ĐKKHKT: Bản P, xã T, huyện M, tỉnh Sơn La; Nghề
nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hóa: 0/12; Dân tộc: Mông; Tôn giáo: Không;
giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Cừ A T (đã chết), con bà: Sòng
Thị V. Bị cáo có vợ là Hầu Thị P; Bị cáo có 03 con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị
cáo bị tạm giữ tạm giam từ ngày 12 tháng 01 năm 2019 cho đến nay. Có mặt
tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Cừ A M; tên gọi khác: không Sinh ngày 19/10/1990 tại huyện
M, tỉnh Sơn La. Nơi ĐKKHKT: Bản P, xã T, huyện M, tỉnh Sơn La; Nghề
nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hóa: 5/12; Dân tộc: Mông; Tôn giáo: Không;
giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Cừ A Th (đã chết), con bà: Vàng
Thị D. Bị cáo có vợ là Hầu Thị D; Bị cáo có 01 con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị
cáo bị tạm giữ tạm giam từ ngày 12 tháng 01 năm 2019 cho đến nay. Có mặt
tại phiên tòa.

Bị hại:

- Chị Vàng Thị S, sinh năm 1992, Nơi ĐKKHKT: Bản P, xã T, huyện
M, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- Người đại diện theo ủy quyền của chị Vàng Thị S: Anh Giàng A Páo C, sinh năm 1999. Trú tại: Bản P, xã T, huyện M, tỉnh Sơn La. Vắng mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào năm 2012 Cú A C theo người nhà đi làm thuê ở nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa (hay gọi là Trung Quốc). Quá trình làm thuê C đã quen với đối tượng tên là Vàng A P, khoảng 40 tuổi, là người dân tộc Mông quốc tịch Trung Quốc. P đã bảo với C đang cần tìm mua phụ nữ là người Việt Nam để làm vợ thì C bảo sẽ giúp P về Việt Nam tìm phụ nữ mang sang bán cho P. P và C thỏa thuận nếu C đưa được phụ nữ sang Trung Quốc thì P sẽ trả công cho C 5.000 đến 6.000 nhân dân tệ, C đồng ý. Khoảng 4 tháng sau C từ Trung Quốc về Bản P, xã T, huyện M và bàn bạc với cháu ruột của mình tên là Cú A M, trú cùng bản cùng đi tìm phụ nữ Việt Nam mang sang Trung Quốc bán lấy tiền, số tiền bán được C và M sẽ chia đôi, M đồng ý. Do biết chị Vàng Thị S, sinh năm 1992, trú cùng bản và biết hiện tại có chồng đang đi cải tạo hoàn cảnh khó khăn nên C và M sẽ lừa chị S bằng thủ đoạn đưa chị S sang tìm việc làm thuê ở tỉnh Lào Cai rồi đưa qua Trung Quốc bán cho P. Sau đó M đến nhà chị Vàng Thị S và bảo hoàn cảnh của chị S khó khăn nên M sẽ giúp đưa chị S lên tỉnh Lào Cai tìm việc làm thuê thì chị S đồng ý. Sau khi lừa được chị S đi Cú A C và Cú A M đón xe khách đưa chị S từ huyện Mộc Châu lên thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai. Trên đường đi Cú A C có dùng 01 chiếc điện thoại di động (không nhớ số thuê bao) gọi điện thoại cho P để báo với P là C đang mang một người phụ nữ sang bán cho P thì P đã hướng dẫn chỉ đường cho C đường đi để sang biên giới Trung Quốc. Sau khi đi đến bến xe thành phố Lào Cai, C, M và chị S đi xe ôm khoảng 6 – 7km đến cách cửa khẩu giữa Việt Nam và Trung Quốc khoảng 1 km thì rẽ bên phải đi theo đường nhựa dọc theo một con S (không biết tên S là gì), đi khoảng 3km thì đến ngã ba có đường rẽ sang đường đất dẫn xuống bờ S. Tại đây Vàng A P đã chờ sẵn ở ngã ba để đón C và M. Sau đó C và M đi xuống bờ S và đi thuyền qua S. P bảo với C và M sau khi qua S sẽ là địa phận của Trung Quốc gọi là Hà Khẩu. Sau khi đến địa phận Trung Quốc thì C bảo P: “Đi đường xa tiền xe hết nhiều thì trả thêm cho tao ít tiền”. P đồng ý và đưa cho C 10.000 nhân dân tệ (trong đó 6.000 là tiền mua Vàng Thị S, còn 4.000 là tiền P đưa thêm chi phí đi lại). Khi thấy C nhận tiền thì S có hỏi “Sao lại nhận tiền” thì C bảo “Tao đã bán mày cho người Trung Quốc rồi đấy”. Sau khi nhận tiền, C và M giao chị S cho Vàng A P rồi quay về Việt Nam. Về đến khu vực biên giới Việt Nam, C và M vào một quán uống nước đã gặp một người đàn ông không quen biết đối 10.000 nhân dân tệ được 33.000.000 đồng tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam sau đó chia nhau mỗi người 16.500.000 đồng chi tiêu cá nhân hết. Theo như lời khai của chị S sau khi bị bán sang Trung Quốc thì Vàng A P dẫn chị S đi sâu vào trong địa phận Trung Quốc rồi bán lại chị S cho một người

đàn ông khác tên là Hờ A P để làm vợ của P1, chị S chỉ biết khu vực đó thuộc tỉnh Vân Nam của Trung Quốc. Do không biết rõ cụ thể đường đi ở Trung Quốc nên chị S đã ở lại sinh sống với Hờ A P như vợ chồng, quá trình chung sống với P1 năm 2013 chị S đã sinh một người con và đặt tên là Hờ A Duệ. Đến tháng 01/2019 chị S đã liên lạc được với em trai là Giàng A Páo C hướng dẫn cho cách trốn về Việt Nam. Khi về tới huyện Mộc Châu thì chị S đã đến Công an huyện Mộc Châu để trình báo toàn bộ sự việc.

Quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mộc Châu đã tạm giữ của Cú A C 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu LENOVO – A6000 kèm 01 sim điện thoại số 0944.602.710 để phục vụ cho quá trình điều tra, giải quyết vụ án.

Tại bản cáo trạng số: 96/CT - VKSMC ngày 20/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu đã truy tố bị cáo với nội dung: Truy tố ra trước Toà án nhân dân huyện Mộc Châu để xét xử đối với bị can Cú A C và Cú A M về tội: Mua bán người. Theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 150 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu đã phát biểu ý kiến đồng thời đề nghị với HĐXX. Tuyên bố bị cáo Cú A C, Cú A M phạm tội Mua bán người.

1. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 150, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Cú A C từ 08 năm đến 08 năm 06 tháng tù.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 150, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Cú A M từ 08 năm đến 08 năm 06 tháng tù.

2. Về bồi thường dân sự: Do bị hại không yêu cầu các bị cáo bồi thường dân sự, nên không đề nghị xem xét giải quyết.

3. Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106, khoản 1 Điều 47 Bộ luật tố tụng hình sự. Về vật chứng của vụ án: Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu LENOVO – A6000; Tịch thu tiêu hủy 01 sim điện thoại số 0944.602.710.

4. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của các bị cáo, lời khai của bị hại, người đại diện theo ủy quyền của người bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh

Sơn La, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của các bị cáo và trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa, các bị cáo vẫn giữ nguyên lời khai tại Cơ quan điều tra, các bị cáo không thay đổi, bổ sung thêm nội dung gì làm thay đổi nội dung của vụ án. Các bị cáo hoàn toàn nhất trí với cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu. Các bị cáo khẳng định việc khai báo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa ngày hôm nay là hoàn toàn tự nguyện và đúng với sự việc các bị cáo đã thực hiện.

Xét lời khai của các bị cáo là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với đơn đề nghị của bị hại; biên bản tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm; biên bản tạm giữ, thu giữ đồ vật, tài liệu; lời khai của bị hại, người đại diện theo ủy quyền của người bị hại và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Từ những chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận vào năm 2012 Cú A C và Cú A M để có tiền chi tiêu đã lợi dụng việc chị Vàng Thị S có hoàn cảnh gia đình khó khăn, phải nuôi con nhỏ, không có công ăn việc làm ổn định, nên đã có hành vi dùng thủ đoạn gian dối lừa tìm việc làm rồi đưa chị Vàng Thị S ra khỏi biên giới nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam bán cho đối tượng quốc tịch Trung Quốc lấy tiền để chi tiêu cá nhân. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Mua bán người theo điểm d khoản 2 Điều 150 Bộ luật Hình sự có mức phạt tù từ 08 năm đến 15 năm.

Xét về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến danh dự, nhân phẩm của người khác, coi con người như món hàng hóa để trao đổi trên thị trường, hành vi của các bị cáo đã làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, làm hoang mang trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng vì động cơ vụ lợi cá nhân nên vẫn cố tình thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, cần xử phạt các bị cáo mức án nghiêm khắc, tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, cách ly các bị cáo ra ngoài đời sống xã hội một thời gian đủ để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người lương thiện, có ích cho gia đình và xã hội đồng thời nhằm răn đe và phòng ngừa chung.

[3] Xét về tính chất và mức độ tham gia của các bị cáo trong đồng phạm: Bị cáo Cú A C là người khởi sự, rủ bị cáo Cú A M cùng thực hiện tội phạm nên giữ vai trò chính trong vụ án. Bị cáo Cú A M là người tiếp nhận ý chí, trực tiếp trao đổi và cùng Cú A C đưa Vàng Thị S ra khỏi biên giới nước Việt Nam nên là đồng phạm giữ vai trò thứ hai trong vụ án. Xét cần áp dụng Điều 58 Bộ luật Hình sự, quyết định hình phạt phù hợp với tính chất và mức độ tham gia của các bị cáo trong đồng phạm.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tại phiên tòa người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Do đó cần áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

[4] Về hình phạt bổ sung (phạt tiền): Quá trình điều tra và thẩm vấn công khai tại phiên tòa hôm nay thấy rằng các bị cáo đều là người dân lao động, không có thu nhập ổn định, không có tài sản gì có giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo là phù hợp.

[5] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa người bị hại không yêu cầu các bị cáo bồi thường dân sự, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét đề cập giải quyết.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định các bị cáo đã bán Vàng Thị S được 10.000.000 nhân dân tệ = 33.000.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các bị cáo đã chia mỗi bị cáo hưởng 16.500.000 đồng và đã chi tiêu hết. Xét đây là số tiền các bị cáo hưởng lợi từ việc bán chỉ Vàng Thị S mà có, cần truy thu nộp Ngân sách Nhà nước.

[6] Về vật chứng của vụ án: Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu LENOVO – A6000 tạm giữ của Cứ A C, kèm 01 sim điện thoại đã qua sử dụng cũ, không kiểm tra máy móc bên trong. Xét đây là tài sản của bị cáo, cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Đối với đối tượng tên là Hạng A P quốc tịch Trung Quốc là người đã mua Vàng Thị S, do đối tượng mang quốc tịch nước ngoài và các bị cáo không biết cụ thể địa chỉ và nơi cư trú của đối tượng. Do vậy không có căn cứ điều tra xác minh làm rõ nên không đề cập đến việc xử lý.

Trong hồ sơ có đề cập đến đối tượng Hờ A P là người đã mua lại chỉ Vàng Thị S để làm vợ từ đối tượng Hạng A P. Do người bị hại là chị Vàng Thị S chỉ biết nơi ở của Hờ A P là thuộc tỉnh Vân Nam, Trung Quốc chứ không biết cụ thể địa chỉ nơi cư trú của Hờ A P. Do vậy Cơ quan CSĐT Công an huyện Mộc Châu không có căn cứ tiến hành điều tra, xác minh, nên không đề cập đến việc xử lý.

[7] Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Tiếp tục tạm giam các bị cáo để đảm bảo cho việc thi hành án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Cứ A C và Cứ A M phạm tội Mua bán người.

1. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 150; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Cự A C 08 năm 06 (Tám năm sáu tháng) tù.

Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày 12/01/2019.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 150; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Cự A M 08 (Tám) năm tù.

Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày 12/01/2019.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 1, 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Về vật chứng của vụ án:

Tạm giữ để đảm bảo thi hành án 01 điện thoại di động LENOVO – A6000, kèm 01 sim.

Truy thu nộp ngân sách Nhà nước đối với bị cáo Cự A C và bị cáo Cự A M mỗi bị cáo 16.500.000đ (Mười sáu triệu năm trăm nghìn đồng).

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Cự A C, Cự A M phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng chẵn) án phí hình sự sơ thẩm và 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng) án phí dân sự, tổng cộng mỗi bị cáo phải chịu 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng).

Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Người đại diện theo ủy quyền của bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Sơn La;
- Sở tư pháp tỉnh Sơn La;
- Viện KSND Mộc Châu;
- Công an huyện Mộc Châu;
- Chi cục THADS Mộc Châu;
- THA H/S;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Triệu Văn Quang